

Số: /ĐA-SNNMT

Nghệ An, ngày tháng 8 năm 2025

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2025

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Vụ Đông là vụ sản xuất hàng hóa, đa dạng chủng loại sản phẩm và mang lại giá trị kinh tế cao góp phần quan trọng để nâng cao thu nhập cho người nông dân. Tuy nhiên, sản xuất vụ Đông 2024 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất thuận; đầu vụ gieo trồng chịu ảnh hưởng liên tiếp bởi các đợt mưa lớn gồm các ngày từ 06-07/9, 10-12/9, 17-22/9 và từ 20-21/10 (trong đó có 2 đợt mưa đáng chú ý là áp thấp nhiệt đới từ ngày 17-23/09 và mưa to từ ngày 20-21/10) đã ảnh hưởng đến sản xuất, sinh trưởng, phát triển đến cây trồng và gây thiệt hại 2.456,69 ha diện tích rau màu các loại. Bên cạnh đó, giá vật tư phân bón vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng rất lớn đến đầu tư sản xuất trong vụ Đông.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự cố gắng nỗ lực của người dân trong việc khắc phục thiên tai, đầu tư sản xuất nên vụ Đông năm 2024 đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Sản lượng các cây trồng đạt 325.466,44 tấn/KH 403.728 tấn, đạt 80,62 %.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; các Công điện ứng phó với mưa to, bão số 6,7,8; Thành lập các đoàn chỉ đạo sản xuất, kiểm tra, ứng phó và khắc phục mưa lụt; đã ban hành 01 công văn về chỉ đạo ứng phó với mưa lớn.

- Lãnh đạo Tỉnh, các ban ngành của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra tình hình mưa lớn, chỉ đạo tiêu thoát nước để khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

- Các địa phương đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất và trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo ứng phó với mưa to, khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất sau mưa lớn.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (*chi tiết tại phụ lục 01*)

Toàn tỉnh đã gieo trồng và diện tích cho thu hoạch các cây trồng vụ Đông là 32.315,28 ha/KH 34.690 ha, đạt 93,15 %. Sản lượng các cây trồng đạt 325.466,44 tấn/KH 403.728 tấn, đạt 80,62 %. Cụ thể như sau:

- Cây Ngô: Tổng diện tích cho thu hoạch 17.548,76 ha/KH 19.000 ha (đạt 92,36 %). Trong đó: Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt 15.986,98 ha/KH 15.000 ha (đạt 106,58 %); năng suất 49,38 tạ/ha/KH 48,5 tạ/ha (đạt 101,81 %); sản lượng 78.948,85 tấn/KH 72.750 tấn (đạt 108,52 %). Diện tích thu hoạch ngô sinh khối 1.561,78 ha/KH 4.000 ha (đạt 39,04 %); năng suất 349,34 tạ/ha/KH 325 tạ/ha (đạt 107,49 %); sản lượng 54.559,89 tấn/KH 130.000 tấn (đạt 41,97 %).

- Cây Lạc: Diện tích thu hoạch 898,11 ha/KH 1.000 ha (đạt 89,81 %); năng suất 26,49 tạ/ha/KH 26,5 tạ/ha (đạt 99,96 %); sản lượng 2.379,3 tấn/KH 2.650 tấn (đạt 89,78 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích thu hoạch 12.515,78 ha/KH 13.200 ha (đạt 94,82 %); năng suất 142,06 tạ/ha/KH 140,0 tạ/ha (đạt 101,47 %); sản lượng 177.804,65 tấn/KH 184.800 tấn (đạt 96,21 %).

- Cây Khoai lang: Diện tích thu hoạch 1.233,13 ha/KH 1.240 ha (đạt 99,45 %); năng suất 75,11 tạ/ha/KH 72 tạ/ha (đạt 104,32 %); sản lượng 9.261,86 tấn/KH 8.928 tấn (103,74 %);

- Cây Khoai tây: Diện tích thu hoạch 119,5 ha/KH 230,0 ha (đạt 51,96 %); năng suất 210,2 tạ/ha/KH 200,0 tạ/ha (đạt 105,1 %); sản lượng 2.511,89 tấn/KH 4.600 tấn (đạt 54,61 %).

- Diện tích ngô, rau, khoai lang trên đất lúa 2.344,47 ha/KH 2.295 ha, đạt 101,15 %.

2.3. Kết quả ứng dụng KHCHN, TBKT vào sản xuất

- Diện tích rau, quả các loại vụ Đông được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương còn hiệu lực là 506,57 ha; diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ và phù hợp định hướng hữu cơ là 83,07 ha.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 46,87 ha với các loại cây có giá trị cao như rau củ các loại, dâu tây, dưa chuột, dưa lưới, nho, ...

2.4. Kết quả thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Diện tích các cây trồng vụ Đông năm 2024 được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm là 3.877 ha với các cây trồng như ngô sinh khối, khoai tây, bí xanh và rau củ quả các loại, ...

2.5. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách trong vụ Đông năm 2024

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Đông như sau:

- Chính sách của UBND tỉnh:

+ Chính sách hỗ trợ giống các cây ngô và rau màu để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa lớn vụ Đông theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ là 2.487,8 triệu đồng đã góp phần hỗ trợ một phần kinh phí giúp người nông dân khôi phục sản xuất, tích cực tái đầu tư sản xuất.

- Các địa phương có diện tích bị thiệt hại do các đợt mưa lớn đã trích ngân sách 10%, với số tiền 394,986 triệu đồng để hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông 2024 còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Diện tích các cây trồng như ngô sinh khối, lạc, khoai lang, rau các loại và sản lượng các cây trồng gồm ngô sinh khối, lạc, rau các loại, khoai tây không đạt so với kế hoạch đề ra. Trong đó: khoai tây có tỷ lệ % đạt được so với chỉ tiêu kế hoạch thấp (*khoai tây diện tích đạt 51,96 % KH, sản lượng đạt 54,61% KH*).

- Diện tích ngô, rau màu bị thiệt hại 2.456,69 ha, trong đó: Diện tích thiệt hại >70% là 1.492,27 ha, diện tích thiệt hại từ 30-70% là 964,42 ha. Người dân phải tiến hành gieo trồng lại, làm tăng chi phí đầu tư.

- Diện tích các cây trồng vụ Đông được liên kết, bao tiêu sản phẩm còn ít (chỉ đạt 12 % tổng diện tích sản xuất). Đầu ra một số sản phẩm cây vụ đông không ổn định, gặp khó khăn khăn trong tiêu thụ.

- Cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt vụ Đông còn hạn chế nhất là sản xuất trên đất lúa.

3.2. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan*

+ Sản xuất vụ Đông 2024 gặp điều kiện thời tiết bất thuận, chịu ảnh hưởng của các đợt mưa lớn từ ngày 06-07/9, 10-12/9, 17-22/9 và từ 20-21/10 đã làm ngập úng gây hư hỏng, thiệt hại một số diện tích các cây màu vụ Đông, người dân phải tiến hành gieo lại. Mặt khác, do mưa lụt đầu vụ liên tục, đất sản xuất bị ngập úng nên không kịp thời vụ gieo trồng. Do vậy, diện tích, sản lượng các cây không đạt kế hoạch đề ra, nhất là diện tích ngô, rau màu trên đất lúa và khoai tây.

+ Chi phí vật tư đầu vào cao nhất là phân bón vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng đến việc tái đầu tư sản xuất của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất vụ Đông của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn thiếu quyết liệt và thường xuyên; chưa thực sự quan tâm, vận động, tuyên truyền sản xuất nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu.

+ Sản xuất vụ Đông thường có hiệu quả thấp (*do ảnh hưởng của mưa bão, chi phí sản xuất cao, giá cả thiếu ổn định...*) nên người dân có tư tưởng ngại đầu tư, chưa chú trọng sản xuất. Do đó, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch.

+ Nhân lực cho sản xuất vụ Đông thiếu do nguồn nhân lực lao động nông nghiệp ngày càng già hóa, một số chuyển sang các công việc khác có thu nhập ổn định hơn. Do đó, đây cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch diện tích.

+ Diện tích vụ Đông chủ yếu là cây ngô và cây rau chiếm đa số nhưng cây ngô thường bà con nông dân lấy hạt phục vụ chăn nuôi, cây rau diện tích manh mún, nhỏ lẻ nên khó khăn cho việc thực hiện liên kết sản xuất dẫn đến diện tích được liên kết bao tiêu sản phẩm còn ít.

+ Các cơ chế, chính sách để thu hút, kết nối các doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm còn chưa đủ mạnh và thiếu tập trung. Bên cạnh đó, diện tích sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến diện tích các cây trồng được liên kết bao tiêu sản phẩm còn ít. Mặt khác, việc khảo sát, dự báo nhu cầu thị trường để khuyến cáo nông dân điều chỉnh phương án sản xuất cho phù hợp với nhu cầu thị trường còn hạn chế nên giá cả bấp bênh.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2025

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG NĂM 2025

1.1. Nhận định về khí tượng thủy văn

Theo Dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nghệ An tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2025 như sau:

* *Hiện tượng ENSO*: Từ tháng 8-10/2025, hiện tượng ENSO có khả năng tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính với xác suất từ 55-65%.

* *Bão và Áp thấp nhiệt đới*:

- Từ tháng 8-12/2025, bão/ATNĐ có khả năng hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An ở mức xấp xỉ so với TBNN (khoảng 3-5 cơn).

* *Nhiệt độ, nắng nóng*: nắng nóng có khả năng xuất hiện trên phạm vi toàn tỉnh đến tháng 8/2025, từ tháng 9/2025 suy giảm dần, cường độ nắng nóng tương đương với TBNN cùng thời kỳ.

- Nhiệt độ trung bình từ tháng 08-12/2025 phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

** Mưa lớn, dông, lốc, sét, mưa đá*

Từ tháng 7-9/2025, có khoảng 4-5 đợt mưa vừa mưa to có khả năng xuất hiện ở khu vực tỉnh Nghệ An. Từ tháng 10-12/2025 cần đề phòng những đợt mưa vừa, mưa to trên toàn tỉnh tập trung vào tháng 10. Dông, lốc, sét, mưa đá có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, tập trung vào tháng 10 và tháng 11.

** Lượng mưa:* Từ tháng 08-09/2025: Tổng lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn 5-10% so với TBNN. Từ tháng 10-12/2025: Tổng lượng mưa xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

** Dự báo thủy văn và nguồn nước*

Từ tháng 8- 9/2025, trên các sông trong khu vực Nghệ An có khả năng xuất hiện 1- 3 đợt lũ. Từ tháng 10-12/2025, trên các sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ có khả năng xuất hiện 2-4 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 13-35%.

1.2. Tình hình sản xuất vụ Hè thu – Mùa năm 2025

1.2.1. Về diện tích gieo trồng

Tính đến ngày 07/8/2025, tổng diện tích các cây trồng hàng năm vụ Hè Thu - Mùa đã gieo trồng là 96.362,53 ha/KH 105.700 ha, đạt 91,17 % kế hoạch.

1.2.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2025 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho các cây trồng sinh trưởng, phát triển. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bão số 3 lưu lượng nước từ thượng nguồn về rất lớn nên đã gây ngập lụt diện rộng, làm thiệt hại hơn 10.000 ha cây trồng các loại gồm lúa, rau màu, cây hàng năm, cây trồng lâu năm và cây ăn quả.

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Tổng diện tích nhiễm các sâu bệnh hại chính đến nay trên 8.000 ha trong đó: Sâu cuốn lá nhỏ 2.600 ha, rầy nâu, rầy lưng trắng 230 ha, sâu đục thân 50 ha, bệnh khô vằn 2.850 ha, bệnh bạc lá vi khuẩn 430 ha, chuột 670 ha, ốc bươu vàng 1.200 ha, ... Tổng diện tích phòng trừ trên 7.300 ha.

+ Trên các cây trồng khác sâu, bệnh phát sinh gây hại cục bộ, mức độ gây hại nhẹ đến trung bình.

1.3. Nhận định về tình hình sâu bệnh hại vụ Đông 2025

Một số sinh vật gây hại như: Chuột hại, các loại sâu ăn lá, bệnh hại có nguồn gốc trong đất, ... có nguy cơ phát sinh gây hại cao trên các cây trồng vụ Đông.

1.4. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2025

1.4.1. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến xã, phường quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất. Thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp sẽ mở rộng không gian phát triển tạo điều kiện cho cấp xã chủ động trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, cơ giới hóa, sơ chế bảo quản sản phẩm, liên kết sản xuất, ứng dụng KH-CN vào sản xuất, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm, ... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất.

- Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với từng loại cây trồng tạo tiền đề cho thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Toàn tỉnh có trên 59.000 ha đất sản xuất lúa vụ Hè thu, với khoảng 15.000 ha đất bãi ven sông và ven biển. Đây là lợi thế về dư địa để tăng diện tích các cây trồng vụ Đông.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả sẽ thúc đẩy sản xuất và nâng cao giá trị nông sản.

- Tính đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 723 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 490 HTX hoạt động hiệu quả (157 HTX hoạt động tốt; 333 HTX hoạt động khá), có 278 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho người dân từ 01-02 vụ/năm và 97 HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, 129 HTX có 227 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP. Số HTX thực hiện liên kết, khâu nối cung ứng, tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng và các mô hình liên kết sản xuất (ngô sinh khối, rau, khoai tây, ...) đã được khẳng định, cho hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân, từ đó nâng cao giá trị nông sản.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, né tránh thiên tai hạn chế thiệt hại.

1.4.2. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Nghệ An, từ tháng 8 - 12/2025 có khoảng 03 - 05 cơn bão/ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Nghệ An. Từ tháng 8-9/2025 có 4-5 đợt mưa vừa, mưa to và từ tháng 10 trở đi thì mưa to tập trung trong tháng 10.

Lượng mưa các tháng từ 8-9/2025 phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn 5-10 % so với TBNN. Hiện tượng mưa lớn, dông, lốc, mưa đá và gió giật mạnh tập trung trong các tháng 10, 11. Đây là thời gian trùng với thời điểm đầu và giữa vụ gieo trồng. Do đó, nguy cơ cao gây thiệt hại và ảnh hưởng lớn đến diện tích sản xuất và sản lượng các cây trồng vụ Đông, nhất là trên đất lúa.

- Thực hiện chủ trương chính quyền địa phương 02 cấp bắt đầu hoạt động từ ngày 01/7/2025 nên việc vận hành theo chính quyền cấp xã mới ban đầu sẽ gặp khó khăn, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác tổ chức sản xuất ở cấp xã.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu nhất là những nơi có điều kiện phát triển công nghiệp, chất lượng nhân lực thấp do già hóa, trong khi cơ giới hoá khâu làm đất trên các cây trồng vụ đông còn hạn chế sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch, tiến độ cũng như áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Giá cả vật tư nông nghiệp nhất là phân bón được dự báo tăng trong khi giá cả nông sản thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất của nông dân.

- Nguy cơ chuột, sâu keo mùa thu và các đối tượng cào cào, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang, ... tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vào mùa mưa lũ vẫn chưa đảm bảo khả năng tiêu thoát nước kịp thời, ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng vụ Đông.

- Đất sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, không tập trung dẫn đến khó khăn trong việc đầu tư, liên kết và cơ giới hóa trong sản xuất.

- Công tác kết nối liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và các cây trồng vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

- Tập trung chỉ đạo phân đầu hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra về diện tích, năng suất, sản lượng với phương châm sản xuất an toàn, xác định vụ Đông 2025 là vụ sản xuất chính để bù đắp thiệt hại của vụ Hè Thu – Mùa do ảnh hưởng của bão số 3, đảm bảo thu nhập cho người dân và nguồn cung nông sản cho thị trường. Đồng thời, phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, mở rộng diện tích các cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao, diện tích ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc như VietGAP, hữu cơ, ... để góp phần quan trọng vào hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng trồng trọt năm 2026 và gia tăng giá trị sản xuất.

- Xây dựng vùng sản xuất tập trung quy mô lớn để thực hiện liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm, nhằm nâng cao giá trị nông sản, kích thích sản xuất.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phân đầu gieo trồng 33.626 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau các loại, khoai lang, khoai tây). Trong đó, diện tích trên đất bãi ven sông khoảng 5.800 ha, diện tích đất màu ven biển khoảng 1.427 ha, diện tích trên đất lúa nước 2.950 ha, diện tích trên đất màu đồng, màu đồi khoảng 22.855 ha và 594 ha diện tích trên đất nương rẫy. Mục tiêu phân đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	19.000		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>1.650</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	15.500	49,0	75.950
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	3.500	350,0	122.500
2	Cây lạc	1.050	26,5	2.783
3	Rau các loại	12.150	140,0	170.100
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa nước</i>	<i>1.000</i>	<i>140,0</i>	<i>14.000</i>
4	Khoai lang	1.250	75,0	9.375
	<i>Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất lúa nước</i>	<i>300</i>	<i>75,0</i>	<i>2.250</i>
5	Khoai tây	176	200,0	3.520
	<i>Trong đó: Diện tích khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm</i>	<i>106</i>	<i>200,0</i>	<i>2.120</i>

(Chỉ tiêu cụ thể cho xã, phường ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào lợi thế từng vùng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng sát với tình hình thực tế, bố trí các vùng sản xuất an toàn gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất lúa: Bố trí sản xuất trên những vùng chủ động tưới tiêu, thoát nước tốt. Đồng thời ưu tiên lựa chọn các loại cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn để đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau.

- Trên đất bãi ven sông, ven biển cần hình thành vùng sản xuất tập trung để phát triển những loại rau lấy củ, quả cho hiệu quả kinh tế cao như bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, cà rốt, khoai tây, ngô ngọt, ...để nâng cao giá trị sản xuất. Đồng thời mở rộng diện tích phải kết hợp với liên kết bao tiêu sản phẩm để đảm bảo đầu ra ổn định cho người dân.

- Với những vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ, quả, cần tập trung chỉ đạo, tuyên truyền để thúc đẩy mở rộng diện tích các loại rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ... để nâng cao chất lượng và giá trị nông sản.

- Xây dựng các mô hình kinh tế vườn tuần hoàn: Bố trí vùng rau củ gắn với mô hình vườn - ao - chuồng và hệ thống biogas, phân hữu cơ vi sinh giúp tối ưu hóa tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí thời vụ và cơ cấu giống

a) Thời vụ

* *Cây ngô:*

- Trên đất 2 lúa:

+ Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để chủ động tưới tiêu và thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất.

+ Tiến hành làm đất và gieo trồng ngô sau khi thu hoạch lúa Hè thu và phải căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống, mục đích trồng (*ngô lấy hạt, ngô sinh khối hay ngô thu hoạch bắp tươi*) để bố trí thời vụ thích hợp nhằm đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau; kết thúc gieo trồng trước 30/9.

- Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 30/9.

- Trên vùng đất màu bãi ven sông: Căn cứ vào thực tế tại địa phương và tình hình thời tiết hết mưa lụt mới tiến hành gieo trồng. Đồng thời lựa chọn giống có thời gian thích hợp để không ảnh hưởng đến thời vụ của vụ kế tiếp.

* *Cây lạc:* Kết thúc gieo trồng trước ngày 20/9.

* *Cây rau các loại:*

- Trên đất 2 lúa, căn cứ vào thời gian thu hoạch lúa Hè thu, thời gian sinh trưởng của từng loại rau và tình hình thời tiết để gieo trồng sao cho thu hoạch trước ngày 05/01/2026 để không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên trồng các loại rau có giá trị như bầu bí, dưa chuột, mướp đắng,

- Trên những diện tích đất màu, tùy từng loại cây như rau ăn lá, rau lấy củ, rau lấy quả, ... có thể trồng từ đầu tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ. Đối với những địa phương bị thiệt hại do mưa bão số 3 (Wipha), tiến hành vệ sinh đồng ruộng để gieo trồng sớm các cây trồng vụ Đông ưa ẩm như hành tỏi, bí đỏ, bí xanh,...

* *Cây khoai lang:* Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 15/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

* *Cây khoai tây:* Trồng từ ngày 01-10/11.

* *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt giống cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch 2025 đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch năm 2026.

b) Cơ cấu giống:

* *Cây ngô*:

- Căn cứ vào đặc điểm vùng sản xuất, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 04 - 06 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh. Đối với sâu keo mùa thu trên cây ngô, ưu tiên sử dụng những giống ngô chuyển gen nhằm hạn chế gây hại của sâu keo mùa thu.

- Cơ cấu các giống cụ thể chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo.

- Đối với các diện tích ngô trên đất 2 lúa và đất bãi ven sông suối dễ xảy ra ngập lụt: Ưu tiên sử dụng các giống ngô lấy bắp ăn tươi, giống ngô có thời gian sinh trưởng ngắn hoặc trồng ngô sinh khối để giảm áp lực thời vụ.

* *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, sen lai 75/23, TK10, L20,...

* *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC-266, KL20-209, K4,...

* *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Atlantic, Marabel, Diamant, Solara,...(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng),...

* *Các loại rau*: căn cứ vào điều kiện từng vùng, quy trình kỹ thuật đã được tập huấn, các mô hình đã được xây dựng và đánh giá có hiệu quả, nhu cầu thị trường ... để lựa chọn các giống rau thích hợp. Có thể sử dụng các giống rau như:

- Rau lấy lá, hoa:

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Vân, ...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa, ...

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, ...

- Rau lấy củ:

+ *Cà rốt*: Takii 103, Takii 108, Takii 444, TN 425,...

+ *Su hào*: B52, B40, Winner, ...

- Rau lấy quả:

+ *Bí xanh*: Bí xanh số 1, Ruby 456, Nova 209, An Điền 686, Green 558,...

+ *Cà chua*: Savior, Tre việt số 10, To 338, ...

+ *Dưa chuột*: GM 222, Cu 46, Maya, Kichi 207,...

(Chi tiết danh mục giống và thời gian sinh trưởng tại phụ lục 04)

Ngoài ra, đối với những diện tích thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm có thể sử dụng các giống khác ngoài những giống nêu tại phụ lục 03, 04 theo đơn đặt hàng của các đơn vị thu mua.

3.2.2. Sử dụng phân bón

Bón phân đủ lượng và tập trung theo yêu cầu của từng loại cây trồng để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống.

- Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu lượng phân bón hóa học, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, chống chịu tốt với điều kiện bất thuận, đồng thời cải tạo tính chất đất.

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối. Lựa chọn thời điểm bón phân tùy theo điều kiện thời tiết, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây để giảm thất thoát phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng.

3.2.3. Công tác Bảo vệ thực vật

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, kiểm tra, giám sát công tác phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng vụ Đông trong đó cần đặc biệt chú ý các đối tượng sâu, bệnh hại chính như: Chuột, châu chấu, sâu keo mùa thu hại ngô; bọ trĩ, sâu xanh, sâu tơ, rệp các loại, bệnh sương mai, mốc sương, thán thư, đốm lá, héo xanh vi khuẩn, ... hại rau màu.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và phòng chống sinh vật gây hại như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ.

3.2.4. Công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Xây dựng phương án chủ động ứng phó khi xảy ra mưa lớn, lũ gây ngập úng đối với cây trồng vụ Đông; nâng cấp hệ thống thủy lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

3.3. Ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; xây dựng các mô hình kinh tế vườn tuần hoàn thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên rau, củ, quả các loại, ... xây dựng các mô hình kinh tế vườn tuần hoàn thích ứng

với biến đổi khí hậu thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các cơ chế, chính sách để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì và phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân biết và thực hiện.

3.4. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường các hình thức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, quan tâm xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác hoạt động có hiệu quả gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hoá đồng bộ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách của trung ương và địa phương đã ban hành, quan tâm ưu tiên nguồn lực từ các Chương trình MTQG để hỗ trợ thực hiện các Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất.

- Kêu gọi các doanh nghiệp đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân để sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Chú trọng các loại cây có thời gian bảo quản dài, có thể cung cấp nguyên liệu cho chế biến như: bí xanh, bí đỏ, khoai tây,...

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, giám sát để hỗ trợ, tháo gỡ, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc thực hiện các hợp tác, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân và mối quan hệ giữa các thành viên trong hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại; tập trung vào việc cung cấp thông tin sản phẩm, tìm kiếm thị trường, thị hiếu và nhu cầu của khách hàng. Đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

3.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

3.6. Giải pháp cơ chế chính sách

Tuyên truyền và thực hiện đầy đủ các chính sách của UBND tỉnh cho tổ chức, cá nhân, gồm:

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới

nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website, hỗ trợ tiêu thụ,...trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại để khôi phục sản xuất theo Nghị định 9/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

Ngoài các chính sách của tỉnh đề nghị UBND các xã, phường cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông 2025. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo quy định hiện hành và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, kiểm tra và giám sát các đơn vị chuyên môn của Sở thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành tốt các nội dung của đề án.

4.2. Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

4.2.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật

- Phối hợp với UBND các xã, phường tuyên truyền, kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Đài khí tượng thủy văn Nghệ An để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình mưa bão, đông lạnh và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai do bão, mưa lụt, dịch bệnh cây trồng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Đông 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các ban ngành, địa phương đề hướng dẫn ứng dụng và mở rộng các mô hình như: VietGAP, hữu cơ,...

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Đông để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

4.2.2. Chi cục Thủy lợi

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực và kết hợp với diệt chuột.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với UBND các xã, phường, đơn vị liên quan xây dựng phương án tiêu, thoát nước kịp thời cho cây trồng vụ Đông khi có mưa, bão lớn gây ngập lụt nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa, bão gây ra.

- Đôn đốc để các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương để vận hành tốt trong mùa mưa bão sắp tới, phục vụ sản xuất vụ Đông kịp thời.

4.2.3. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với chính quyền cấp xã để triển khai thực hiện đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Đông; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Đông và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Tập trung quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp xã và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.2.5. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất thông qua các lớp tập huấn, đào tạo.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

- Chỉ đạo các Trạm dịch vụ nông nghiệp phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV trong đánh giá cơ cấu giống và thời vụ cây trồng vụ Đông; dự tính, dự báo và khuyến cáo phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cũng như các chủ trương, chính sách về trồng trọt trong vụ Đông trên địa bàn tỉnh.

4.2.6. Trung tâm Giống Nông nghiệp

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, hậu kiểm giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về thời gian sinh trưởng, tiềm năng năng suất của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường qua (Phòng Quản lý kỹ thuật và KHCN).

4.2.7. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2025.

4.3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Kế hoạch sản xuất phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải chủ động, quyết liệt để bù lại những diện tích bị thiệt hại do mưa lũ bão số 3.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo sản xuất ở địa phương như sau:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo xây dựng vùng sản xuất tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước nhất là diện tích ngô, rau trên đất lúa để tăng diện tích.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông tập trung, ngay từ đầu vụ kết hợp với toàn dân ra quân làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão. Xây dựng phương án tiêu úng, thoát nước khi có mưa to, bão lụt xảy ra, thống

kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường phương án xử lý kịp thời.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất để tổ chức chỉ đạo sản xuất vụ Đông 2025 kịp thời, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh.

c) Chủ động, tích cực và có cơ chế để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của địa phương.

e) Thường xuyên cập nhật, báo cáo tình hình sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, thuốc BVTV, ...: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với địa phương và người nông dân để xác định quy mô sản xuất, cơ cấu cây trồng phù hợp, thời vụ gieo trồng và các yếu tố kỹ thuật khác để đảm bảo nguồn cung ổn định và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Đông năm 2025 là vụ sản xuất sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiên tai (bão, mưa lụt) và các loại dịch hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: chuột, sâu keo mùa thu, ... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Đông năm 2025 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo sản xuất thắng lợi.

2. Chỉ đạo các ngành, các cấp, các đơn vị chuyên môn và địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai tổ chức sản xuất; Triển khai các chính sách hỗ trợ để khuyến khích người dân đầu tư sản xuất; Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện.

3. Chỉ đạo Sở Công thương hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, từng bước mở rộng thị trường nội tiêu và xuất khẩu.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Báo và Đài phát thanh - truyền hình Nghệ An, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật trong vụ Đông 2025. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là nội dung Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các sở, ngành, sự quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện của các xã, phường và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Đông 2025 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường (để chỉ đạo);
- UBND các xã, phường (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NNMT (để thực hiện);
- Website Sở;
- Lưu VT, QLKTKHCN, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Việt

Phụ lục 01:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2024

TT	Chỉ tiêu	Vụ Đông 2023	Vụ Đông 2024	So sánh 2024/2023		Kết quả vụ Đông 2024 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây Ngô						
	Tổng diện tích gieo trồng (ha)	18.281,23	17.548,76	-732,47	95,99	-1.451,24	92,36
	Tổng diện tích thu hoạch (ha)	18.281,23	17.548,76	-732,47	95,99	-1.451,24	92,36
1.1	- Diện tích gieo trồng ngô lấy hạt (ha)	16.619,53	15.986,98	-632,55	96,19	986,98	106,58
	- Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt	16.619,53	15.986,98	-632,55	96,19	986,98	106,58
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	48,44	49,38	0,94	101,94	0,88	101,81
	- Sản lượng (tấn)	80.497,70	78.948,85	-1.548,85	98,08	6.198,85	108,52
1.2	Diện tích gieo trồng ngô sinh (ha)	1.661,70	1.561,78	-99,92	93,99	-2.438,22	39,04
	Diện tích ngô sinh thu hoạch (ha)	1.661,70	1.561,78	-99,92	93,99	-2.438,22	39,04
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	332,08	349,34	17,26	105,20	24,34	107,49
	- Sản lượng (tấn)	55.182,16	54.559,89	-622,27	98,87	-75.440,11	41,97
2	Cây Lạc						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	954,64	898,11	-56,53	94,08	-101,89	89,81
	- Diện tích thu hoạch (ha)	954,64	898,11	-56,53	94,08	-101,89	89,81
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	26,12	26,49	0,37	101,42	-0,01	99,96
	- Sản lượng (tấn)	2.493,18	2.379,30	-113,88	95,43	-270,70	89,78
3	Cây Rau các loại						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	12.948,96	12.515,78	-433,18	96,65	-684,22	94,82
	- Diện tích thu hoạch (ha)	12.948,96	12.515,78	-433,18	96,65	-684,22	94,82
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	140,18	142,06	1,88	101,34	2,06	101,47
	- Sản lượng (tấn)	181.524,4 4	177.804,6 5	-3.719,79	97,95	-6.995,35	96,21
4	Cây Khoai lang						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.306,65	1.233,13	-73,52	94,37	-6,87	99,45
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.306,65	1.233,13	-73,52	94,37	-6,87	99,45
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	73,12	75,11	1,99	102,72	3,11	104,32
	- Sản lượng (tấn)	9.554,07	9.261,86	-292,21	96,94	333,86	103,74
5	Cây Khoai tây						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	186,5	119,5	-67,00	64,08	-110,5	51,96
	- Diện tích thu hoạch (ha)	186,5	119,5	-67,00	64,08	-110,5	51,96
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	209,57	210,2	0,63	100,30	10,2	105,10
	- Sản lượng (tấn)	3.908,48	2.511,89	-1.396,59	64,27	-2.088,11	54,61

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2025 CỦA CÁC XÃ/PHƯỜNG

TT	Toàn tỉnh	Tổng diện tích trên các loại cây trồng (ha)	Cây Ngô (ha)				Cây Lạc (ha)	Cây rau các loại (ha)		Cây Khoai lang (ha)		Cây Khoai tây (ha)	
			Tổng Kế hoạch diện tích (ha)	Trong đó				Tổng Kế hoạch diện tích (ha)	Trong đó: Diện tích rau trên đất 2 lúa (ha)	Tổng Kế hoạch diện tích (ha)	Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất 2 lúa (ha)	Tổng Kế hoạch diện tích (ha)	Trong đó: Diện tích Khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm (ha)
				Diện tích Ngô trên đất lúa nước (ha)	Diện tích Ngô lấy hạt (ha)	Diện tích Ngô sinh khối (ha)							
		33.626,0	19.000,0	1.650,0	15.500,0	3.500,0	1.050,0	12.150,0	1.000,0	1.250,0	300,0	176,0	106,0
1	Xã Anh Sơn	688	550	20	520	30	0	120	0	18	0	0	0
2	Xã Yên Xuân	233	150	0	150	0	0	76	0	7	0,5	0	0
3	Xã Nhân Hòa	685	540	19	155	385	0	145	0	0	0	0	0
4	Xã Anh Sơn Đông	429	375	129	355	20	1	50	5	3	3	0	0
5	Xã Vĩnh Tường	527	438	120	388	50	1	80	40	8	8	0	0
6	Xã Thành Bình Thọ	172	142	0	67	75	0	30	0	0	0	0	0
7	Xã Con Cuông	352	255	2	150	105	0	97	1	0	0	0	0
8	Xã Môn Sơn	276	225	0	225	0	1	47	0	3	0	0	0
9	Xã Mậu Thạch	95	52	2	52	0	0	43	0	0	0	0	0
10	Xã Cam Phục	43	20	0	20	0	0	23	0	0	0	0	0
11	Xã Châu Khê	106	67	17	67	0	5	27	0	7	3	0	0
12	Xã Bình Chuẩn	19	10	0	10	0	0	9	0	0	0	0	0
13	Xã Diễn Châu	326	100	0	100	0	82	121	0	4	0	19	0
14	Xã Đức Châu	243	96	0	96	0	16	106	0	0	0	25	20
15	Xã Quảng Châu	106	10	0	10	0	0	96	96	0	0	0	0
16	Xã Hải Châu	936	500	130	330	170	150	180	120	72	70	34	30
17	Xã Tân Châu	259	126	35	126	0	30	93	0	10	0	0	0
18	Xã An Châu	1125	570	3	540	30	320	150	0	25	5	60	40

19	Xã Minh Châu	141	40	0	40	0	15	78	0	8	0	0	0
20	Xã Hùng Châu	353	185	0	185	0	8	155	0	5	0	0	0
21	Xã Đô Lương	274,5	195	29,5	195	0	0	78	39	1,5	1,5	0	0
22	Xã Bạch Ngọc	327,5	235	18	235	0	0	78	11	14,5	5	0	0
23	Xã Văn Hiến	152	40	11,5	35	5	0	96	18	16	6	0	0
24	Xã Bạch Hà	865	530	100	510	20	110	175	25	50	10	0	0
25	Xã Thuần Trung	314	195	10	195	0	1	106	20	12	4	0	0
26	Xã Lương Sơn	166	83	0	83	0	0	76	0	7	0	0	0
27	Phường Hoàng Mai	326	118	15,5	118	0	0	202	8	5	0	1	0
28	Phường Tân Mai	119	32	30	32	0	5	70	0	12	0	0	0
29	Phường Quỳnh Mai	597	137	90	137	0	2	416	0	28	10	14	14
30	Xã Hưng Nguyên	65	10	0	10	0	0	55	0	0	0	0	0
31	Xã Yên Trung	175	70	0	70	0	0	100	0	5	0	0	0
32	Xã Hưng Nguyên Nam	221	80	0	80	0	10	115	0	6	0	10	0
33	Xã Lam Thành	220	110	0	110	0	0	100	0	10	0	0	0
34	Xã Mường Xén	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Xã Hữu Kiem	75	75	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Xã Nậm Cấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Xã Chiêu Lưu	45	25	0	25	0	0	20	0	0	0	0	0
38	Xã Na Loi	50	0	0	0	0	0	50	0	0	0	0	0
39	Xã Mường Típ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Xã Na Ngòi	27	12	0	12	0	0	15	0	0	0	0	0
41	Xã Mỹ Lý	12	12	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Xã Bắc Lý	10	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0
43	Xã Keng Đu	8	0	0	0	0	0	8	0	0	0	0	0
44	Xã Huồi Tụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Xã Mường Lống	105	100	0	100	0	0	5	0	0	0	0	0
46	Xã Vạn An	1354	870	0	870	0	32	382	0	70	0	0	0
47	Xã Nam Đàn	738	300	70	300	0	2	411	5	25	10	0	0
48	Xã Đại Huệ	591	325	201	325	0	0	242	0	24	0	0	0

49	Xã Thiên Nhẫn	870	560	0,5	300	260	2	294	0	14	0	0	0
50	Xã Kim Liên	932	565	60	445	120	0	319	86	40	15	8	0
51	Xã Nghĩa Đàn	78	35	0	35	0	0	42	0	1	0	0	0
52	Xã Nghĩa Thọ	164	30	0	18	12	0	128	0	6	0	0	0
53	Xã Nghĩa Lâm	250	150	0	130	20	0	100	0	0	0	0	0
54	Xã Nghĩa Mai	31	5	0	5	0	0	13	0	13	0	0	0
55	Xã Nghĩa Hưng	600	350	0	350	0	0	150	0	100	0	0	0
56	Xã Nghĩa Khánh	185	100	0	85	15	7	67	0	11	0	0	0
57	Xã Nghĩa Lộc	112	60	0	60	0	1	50	20	1	0	0	0
58	Xã Nghi Lộc	90	20	0	20	0	0	70	0	0	0	0	0
59	Xã Phúc Lộc	155	60	0	60	0	5	90	0	0	0	0	0
60	Xã Đông Lộc	83	35	0	35	0	11	32	0	5	0	0	0
61	Xã Trung Lộc	300	89	0	89	0	18	185	0	8	0	0	0
62	Xã Thần Lĩnh	209	170	0	168	2	3	35	2	1	0	0	0
63	Xã Hải Lộc	113	52	0	52	0	10	51	0	0	0	0	0
64	Xã Văn Kiều	575	450	10	450	0	55	65	10	5	0	0	0
65	Xã Quế Phong	63	15	0	15	0	0	42	0	6	0	0	0
66	Xã Tiên Phong	41	0	0	0	0	0	41	0	0	0	0	0
67	Xã Tri Lễ	30	0	0	0	0	0	30	0	0	0	0	0
68	Xã Mường Quàng	49	4	0,5	4	0	0	45	0	0	0	0	0
69	Xã Thông Thụ	7	0	0	0	0	0	7	0	0	0	0	0
70	Xã Quỳnh Châu	215	90	0	90	0	5	120	0	0	0	0	0
71	Xã Châu Tiến	247	25	15	25	0	12	210	0	0	0	0	0
72	Xã Hùng Chân	82	35	0	35	0	10	37	0	0	0	0	0
73	Xã Châu Bình	157	60	0	60	0	2	85	0	10	0	0	0
74	Xã Quỳnh Hợp	400	230	150	205	25	0	150	0	20	16	0	0
75	Xã Tam Hợp	140	140	45	95	45	0	0	0	0	0	0	0
76	Xã Châu Lộc	56	25	15	25	0	0	27	0	4	0	0	0
77	Xã Châu Hồng	84	40	0	40	0	0	44	0	0	0	0	0
78	Xã Mường Ham	228	160	0	60	100	0	41	0	27	0	0	0

79	Xã Mường Chông	98	40	10	40	0	0	52	0	6	0	0	0
80	Xã Minh Hợp	293	225	0	25	200	0	68	0	0	0	0	0
81	Xã Quỳnh Lưu	216	50	5	35	15	2	140	25	24	10	0	0
82	Xã Quỳnh Văn	272	95	10	88	7	2	155	10	20	1	0	0
83	Xã Quỳnh Anh	857	58	3	58	0	20	703	12	76	54	0	0
84	Xã Quỳnh Tam	581	140	10	110	30	0	431	220	10	2	0	0
85	Xã Quỳnh Phú	370	150	0	150	0	20	130	0	70	22	0	0
86	Xã Quỳnh Sơn	191	52	5	38	14	1	130	12	8	2	0	0
87	Xã Quỳnh Thắng	244	90	25	70	20	5	135	15	14	1	0	0
88	Xã Tân Kỳ	665	550	0	165	385	15	95	6	5	0	0	0
89	Xã Tân Phú	880	700	0	0	700	0	180	0	0	0	0	0
90	Xã Tân An	207	105	0	105	0	2	100	0	0	0	0	0
91	Xã Nghĩa Đồng	438	348	0	202	146	0	90	0	0	0	0	0
92	Xã Giai Xuân	50	25	0	25	0	0	25	0	0	0	0	0
93	Xã Nghĩa Hành	291	160	0	155	5	0	126	0	5	0	0	0
94	Xã Tiên Đồng	130	65	0	55	10	0	65	0	0	0	0	0
95	Phường Thái Hòa	49	34	0	8	26	0	15	0	0	0	0	0
96	Phường Tây Hiếu	80	30	0	10	20	0	50	0	0	0	0	0
97	Xã Đông Hiếu	169	120	28	95	25	0	45	5	4	2	0	0
98	Xã Cát Ngạn	500	415	0	415	0	0	80	70	5	0	0	0
99	Xã Tam Đồng	355	260	0	260	0	0	90	0	5	5	0	0
100	Xã Hạnh Lâm	140	110	0	110	0	0	30	0	0	0	0	0
101	Xã Sơn Lâm	45	20	0	20	0	0	25	0	0	0	0	0
102	Xã Hoa Quân	391	290	0	290	0	0	82	0	19	0	0	0
103	Xã Kim Bảng	424	295	7,5	295	0	0	113	0	16	1	0	0
104	Xã Bích Hào	645	530	0	300	230	0	95	0	20	0	0	0
105	Xã Đại Đồng	617	412	15	412	0	0	165	5	40	10	0	0
106	Xã Xuân Lâm	851	730	13	715	15	0	106	0	15	0	0	0
107	Xã Tam Quang	146	80	0	63	17	2	63	0	1	0	0	0
108	Xã Tam Thái	35	10	0	10	0	0	25	0	0	0	0	0

109	Xã Tương Dương	104	50	10	50	0	2	50	0	2	0	0	0
110	Xã Lượng Minh	36	5	5	5	0	0	30	0	1	0	0	0
111	Xã Yên Na	44	20	2	20	0	2	20	1	2	0	0	0
112	Xã Yên Hòa	87	41	0	41	0	2	44	0	0	0	0	0
113	Xã Nga My	77	42	0	42	0	0	35	0	0	0	0	0
114	Xã Hữu Khuông	90	70	0	70	0	0	20	0	0	0	0	0
115	Xã Nhôn Mai	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
116	Phường Trường Vinh	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0
117	Phường Thành Vinh	17	0	0	0	0	0	17	0	0	0	0	0
118	Phường Vinh Hưng	155	60	0	30	30	5	90	0	0	0	0	0
119	Phường Vinh Phú	132	45	0	45	0	0	75	0	12	0	0	0
120	Phường Vinh Lộc	121	65	0	65	0	6	40	0	10	0	0	0
121	Phường Cửa Lò	220	80	0	80	0	5	75	0	60	0	0	0
122	Xã Yên Thành	19	3	0	3	0	0	16	4	0	0	0	0
123	Xã Quan Thành	231	62	5	57	5	4	157	6	8	5	0	0
124	Xã Hợp Minh	255	86	3	78	8	4	162	3	3	0	0	0
125	Xã Vân Tụ	38	20	20	20	0	0	16	10	2	2	0	0
126	Xã Vân Du	365	220	67	152	68	5	129	56	11	5	0	0
127	Xã Quang Đông	250	150	30	140	10	5	92	0	3	0	0	0
128	Xã Giai Lạc	262	125	15	115	10	7	100	20	25	10	5	2
129	Xã Bình Minh	209	85	9	70	15	2	102	9	20	1	0	0
130	Xã Đông Thành	187	22	4	22	0	0	165	5	0	0	0	0

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	Giống có diện tích sản xuất lớn và có tiềm năng			
1	DK6919 S	105 - 110	55-60	Ngô chuyển gen
2	CP511	105 - 110	55-60	Ngô lấy hạt
3	NK6275	115 - 120	55-60	Ngô lấy hạt
4	NK6101BGT	110 - 115	55-60	Ngô chuyển gen
5	CP 511S	105 - 110	55-60	Ngô chuyển gen
6	HN68	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	TBM 18	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
I	Ngô lấy hạt			
1	CP519	110 - 115	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
2	CP512	110 - 115	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
3	PAC 139	110 - 115	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
4	PAC 339	110 - 115	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
5	PAC 789	110 - 115	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt, sản xuất vụ Đông sớm
6	LVN14	107 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
7	VS36	105 - 110	55-60	
8	SSC557	100 - 110	55-60	
II	Ngô chuyển gen			
1	NK7328Bt/GT	120 - 125	55-60	Ngô chuyển gen, có sinh khối lớn
2	PAC999 Super S	120 - 125	55-60	Ngô chuyển gen
3	NK4300Bt/GT	115 - 120	55-60	Ngô chuyển gen

4	NK66Bt/GT	110 - 115	55-60	Ngô chuyển gen
5	NK67Bt/GT	115 - 120	55-60	Ngô chuyển gen
6	8282 S	110 - 115	55-60	Ngô chuyển gen
7	DK6818S	110 - 115	55-60	Ngô chuyển gen
8	CP 501S	110 - 115	55-60	Ngô chuyển gen
III	Ngô có sinh khối			
1	PSC 102	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
2	NK7328	120 - 125	55-60	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
IV	Ngô thu hoạch ăn tươi			
1	HN92	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
2	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	ADI688	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	ADI668	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi

Phụ lục 04: Danh sách các giống lạc, rau, khoai lang, khoai tây đã sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	TGST vụ Đông (ngày)	Ghi chú
I	Giống lạc		
1	L14	105 - 110	
2	L23	100 - 105	
3	L26	95 - 100	
4	Sen lai 75/23	110 - 115	
5	TK10	108 - 110	
6	L20	105 - 110	
II	Giống rau		
1	Bắp cải		
-	KK Cross	80 - 85	
-	Thúy Vân	80 - 90	
2	Súp lơ		
-	Man top	100 - 105	
-	Green Magic	100 - 105	
-	Thanh Hoa	100 - 105	
3	Rau cải		
-	Cải ngọt	40 - 45	
-	Cải bẹ mào gà	30 - 35	
-	Cải bó xôi	45 - 55	
4	Cà rốt		

-	Takii 103	100 - 105	
-	Takii 108	100 - 105	
-	Takii 444	100 - 105	
-	TN 425	90-100	
5	Su hào		
-	B52	30 - 35	
-	B40	35 - 40	
-	Winner	40 - 45	
6	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Bí xanh Ruby 456	75-80	
-	Nova 209	75 - 80	
-	An Điền 686	80 - 85	
-	Bí xanh Green 558	85 - 90	
7	Cà chua		
-	Savior	90 - 110	
-	Tre việt số 10	120 - 135	
-	To 338	90 - 100	
8	Dưa chuột		
-	GM 222	80 - 85	
-	Cu 46	80 - 85	
-	Maya	75 - 80	thu trái bao tử
-	Kichi 207	75 - 80	thu trái bao tử
III	Giống khoai lang		
1	KLC-266	100 - 105	
2	KL20-209	110 - 115	
3	K4	105 - 110	
IV	Giống khoai tây		
1	Atlantic	85 - 90	
2	Marabel	85 - 90	
3	Diamant	85 - 90	
4	Solara	80 - 90	